

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **2245**/UBND-NV
V/v thực hiện bổ sung và làm sạch
dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức
lên hệ thống CSDLQD về CBCCVC

Thanh Trì, ngày **18** tháng **10** năm 2023

Kính gửi:

- Các phòng, ban, đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 2951/SNV-XDCQ ngày 10/10/2023 của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội về việc bổ sung và làm sạch dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức. Trong thời gian vừa qua, các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đã tập trung chỉ đạo việc cập nhật dữ liệu CBCCVC của đơn vị mình tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, một số thông tin theo nhóm dữ liệu chưa đảm bảo “Đúng - Đủ - Sạch”, cụ thể:

1. Thông tin cơ bản
2. Tuyển dụng, quá trình công tác
3. Lương, phụ cấp chức vụ
4. Trình độ đào tạo, bồi dưỡng
5. Khen thưởng, kỷ luật
6. Đặc điểm lịch sử bản thân
7. Thông tin khác
8. Kết quả xếp loại
9. Hoàn cảnh kinh tế gia đình

(Có biểu chi tiết kèm theo)

UBND huyện Thanh Trì yêu cầu các đơn vị khẩn trương chỉ đạo 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý nghiêm túc thực hiện việc kiểm tra, rà soát, cập nhật bổ sung và làm sạch dữ liệu cá nhân trên phần mềm quản lý cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ, xong **trước ngày 25/10/2023**.

Mọi khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai, liên hệ đồng chí: Lê Thị Hồng Đào – Chuyên viên phòng Nội vụ, điện thoại: 0978826060.

UBND huyện Thanh Trì yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tiến Cường



BÁO CÁO THỐNG KÊ CƠ SỞ DỮ LIỆU CBCVC ĐÃ NHẬP VÀ CÒN THIẾU CỦA CÁC ĐƠN VỊ

(Kèm theo Công văn số 2245/UBND-NV ngày 18.../.../2023 của UBND huyện Thanh Trì)

STT	Tên đơn vị	Tổng hồ sơ	Thông tin cơ bản		Tuyển dụng, quá trình công tác		Lương, phụ cấp		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng		Khen thưởng, kỷ luật		Đặc điểm lịch sử bản thân		Thông tin khác		Kết quả xếp loại chất lượng		Hoàn cảnh kinh tế gia đình	
			Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu
1	Văn phòng HĐND-UBND Huyện	23	23	0	9	14	23	0	15	8	7	16	1	22	0	23	6	17	5	18
2	Phòng Văn hóa và Thông tin	6	6	0	1	5	6	0	1	5	0	6	0	6	0	6	1	5	0	6
3	Phòng Y tế	5	5	0	3	2	5	0	4	1	2	3	0	5	0	5	1	4	1	4
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	9	9	0	2	7	9	0	1	8	1	8	0	9	0	9	1	8	1	8
5	Phòng Kinh tế	9	9	0	7	2	9	0	6	3	3	6	1	8	0	9	5	4	5	4
6	Phòng Nội vụ	9	9	0	6	3	9	0	9	0	4	5	2	7	0	9	8	1	4	5
7	Phòng Quản lý đô thị	10	10	0	1	9	10	0	1	9	1	9	0	10	0	10	0	10	0	10
8	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	8	8	0	6	2	8	0	6	2	4	4	1	7	0	8	6	2	5	3
9	Phòng Tài chính - Kế hoạch	12	12	0	1	11	12	0	1	11	0	12	0	12	0	12	0	12	0	12
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	10	10	0	4	6	10	0	5	5	2	8	0	10	0	10	0	10	2	8
11	Phòng Tư pháp	5	5	0	4	1	5	0	4	1	4	1	0	5	0	5	4	1	4	1
12	Thanh tra nhà nước Huyện	8	8	0	3	5	8	0	5	3	5	3	0	8	0	8	4	4	1	7
13	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng	22	22	0	6	16	22	0	6	16	0	22	1	21	0	22	6	16	0	22
14	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	29	29	0	11	18	29	0	14	15	8	21	0	29	0	29	6	23	5	24
15	Trung tâm Phát triển Quý đất	27	27	0	0	27	27	0	4	23	0	27	0	27	0	27	0	27	1	26
16	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao	18	18	0	5	13	18	0	7	11	2	16	0	18	0	18	2	16	3	15
17	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Thanh Trì	17	17	0	6	11	17	0	12	5	0	17	1	16	0	17	1	16	1	16
18	Hội chữ thập đỏ	3	3	0	3	0	3	0	2	1	1	2	1	2	0	3	1	2	1	2

STT	Tên đơn vị	Tổng hồ sơ	Thông tin cơ bản		Tuyển dụng, quá trình công tác		Lương, phụ cấp		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng		Khen thưởng, kỷ luật		Đặc điểm lịch sử bản thân		Thông tin khác		Kết quả xếp loại chất lượng		Hoàn cảnh kinh tế gia đình	
			Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu
19	Đội Quản lý Trật tự xây dựng đô thị	49	49	0	15	34	49	0	21	28	2	47	1	48	0	49	7	42	6	43
20	UBND thị trấn Văn Điển	20	20	0	10	10	20	0	11	9	8	12	2	18	0	20	6	14	3	17
21	UBND xã Đại Áng	20	20	0	5	15	20	0	6	14	2	18	1	19	0	20	4	16	5	15
22	UBND xã Đông Mỹ	20	20	0	13	7	20	0	15	5	7	13	3	17	0	20	10	10	8	12
23	UBND xã Duyên Hà	19	19	0	13	6	19	0	17	2	7	12	1	18	0	19	5	14	9	10
24	UBND xã Hữu Hòa	19	19	0	4	15	19	0	8	11	1	18	0	19	0	19	3	16	1	18
25	UBND xã Liên Ninh	22	22	0	4	18	22	0	9	13	1	21	0	22	0	22	1	21	3	19
26	UBND xã Ngọc Hồi	20	20	0	1	19	20	0	2	18	0	20	0	20	0	20	0	20	0	20
27	UBND xã Ngũ Hiệp	21	20	1	12	9	21	0	10	11	3	18	0	21	0	21	7	14	5	16
28	UBND xã Tả Thanh Oai	20	20	0	5	15	20	0	10	10	2	18	0	20	0	20	3	17	3	17
29	UBND xã Tam Hiệp	20	20	0	12	8	20	0	13	7	4	16	0	20	0	20	8	12	5	15
30	UBND xã Tân Triều	21	21	0	8	13	21	0	14	7	2	19	1	20	0	21	7	14	7	14
31	UBND xã Thanh Liệt	20	20	0	14	6	20	0	16	4	9	11	5	15	0	20	11	9	9	11
32	UBND xã Tứ Hiệp	21	21	0	20	1	21	0	21	0	9	12	3	18	0	21	19	2	19	2
33	UBND xã Vạn Phúc	21	21	0	15	6	21	0	19	2	10	11	1	20	0	21	12	9	3	18
34	UBND xã Vĩnh Quỳnh	19	19	0	11	8	19	0	12	7	5	14	1	18	0	19	6	13	5	14
35	UBND xã Yên Mỹ	19	19	0	7	12	19	0	9	10	3	16	1	18	0	19	4	15	2	17
36	Trường THCS Tam Hiệp	36	36	0	29	7	36	0	34	2	24	12	6	30	0	36	29	7	29	7
37	Trường THCS Tả Thanh Oai	62	62	0	33	29	62	0	35	27	16	46	6	56	0	62	21	41	14	48
38	Trường THCS Thị trấn Văn Điển	72	72	0	25	47	72	0	31	41	14	58	2	70	0	72	13	59	8	64
39	Trường THCS Ngũ Hiệp	64	64	0	44	20	64	0	51	13	30	34	13	51	0	64	25	39	26	38
40	Trường THCS Ngọc Hồi	35	35	0	32	3	35	0	34	1	29	6	13	22	0	35	32	3	15	20
41	Trường THCS Chu Văn An	46	46	0	21	25	46	0	24	22	15	31	2	44	0	46	7	39	6	40
42	Trường THCS Đông Mỹ	39	39	0	20	19	39	0	24	15	14	25	2	37	0	39	16	23	14	25

STT	Tên đơn vị	Tổng hồ sơ	Thông tin cơ bản		Tuyển dụng, quá trình công tác		Lương, phụ cấp		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng		Khen thưởng, kỷ luật		Đặc điểm lịch sử bản thân		Thông tin khác		Kết quả xếp loại chất lượng		Hoàn cảnh kinh tế gia đình	
			Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu
43	Trường THCS Yên Mỹ	23	23	0	9	14	23	0	7	16	1	22	3	20	0	23	6	17	3	20
44	Trường THCS Đại Áng	46	46	0	9	37	46	0	11	35	6	40	1	45	0	46	4	42	9	37
45	Trường Mầm non xã Đại Áng	47	47	0	42	5	47	0	47	0	40	7	13	34	0	47	39	8	27	20
46	Trường Mầm non xã Duyên Hà	43	43	0	35	8	43	0	40	3	31	12	9	34	0	43	33	10	35	8
47	Trường Mầm non xã Yên Mỹ	31	31	0	27	4	31	0	29	2	28	3	11	20	0	31	30	1	26	5
48	Trường Mầm non A xã Vạn Phúc	34	34	0	33	1	34	0	33	1	27	7	8	26	0	34	26	8	22	12
49	Trường Mầm non B xã Vạn Phúc	38	38	0	35	3	38	0	35	3	30	8	13	25	0	38	26	12	24	14
50	Trường Mầm non A thị trấn Văn Điển	40	40	0	30	10	40	0	34	6	18	22	9	31	0	40	26	14	14	26
51	Trường Mầm non B thị trấn Văn Điển	39	39	0	37	2	39	0	39	0	35	4	12	27	0	39	32	7	20	19
52	Trường Mầm non C thị trấn Văn Điển	34	34	0	8	26	34	0	16	18	6	28	2	32	0	34	5	29	4	30
53	Trường Mầm non Huỳnh Cung, xã Tam Hiệp	35	35	0	33	2	35	0	35	0	29	6	8	27	0	35	25	10	23	12
54	Trường Mầm non Yên Ngưu, xã Tam Hiệp	28	28	0	25	3	28	0	27	1	21	7	0	28	0	28	26	2	19	9
55	Trường Mầm non Tụ Liệt, xã Tam Hiệp	38	38	0	22	16	38	0	36	2	29	9	9	29	0	38	27	11	13	25
56	Trường Mầm non A xã Liên Ninh	36	36	0	30	6	36	0	35	1	30	6	18	18	0	36	26	10	21	15
57	Trường Mầm non B xã Liên Ninh	54	54	0	35	19	54	0	46	8	28	26	15	39	0	54	19	35	10	44
58	Trường Mầm non A xã Đông Mỹ	27	27	0	17	10	27	0	23	4	15	12	3	24	0	27	15	12	8	19
59	Trường Mầm non B xã Đông Mỹ	21	21	0	19	2	21	0	20	1	17	4	7	14	0	21	13	8	14	7
60	Trường Mầm non Tả Thanh Oai A	35	35	0	27	8	35	0	29	6	26	9	8	27	0	35	26	9	11	24
61	Trường Mầm non Tả Thanh Oai B	50	50	0	36	14	50	0	38	12	35	15	8	42	0	50	35	15	24	26
62	Trường Mầm non A xã Thanh Liệt	44	44	0	40	4	44	0	43	1	34	10	18	26	0	44	30	14	18	26
63	Trường Mầm non B xã Thanh Liệt	45	45	0	35	10	45	0	38	7	24	21	11	34	0	45	26	19	12	33

STT	Tên đơn vị	Tổng hồ sơ	Thông tin cơ bản		Tuyển dụng, quá trình công tác		Lương, phụ cấp		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng		Khuyến thưởng, kỷ luật		Đặc điểm lịch sử bản thân		Thông tin khác		Kết quả xếp loại chất lượng		Hoàn cảnh kinh tế gia đình	
			Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu
64	Trường Mầm non Quỳnh Đô xã Vĩnh Quỳnh	35	35	0	33	2	35	0	35	0	26	9	4	31	0	35	35	0	14	21
65	Trường Mầm non xã Vĩnh Quỳnh	65	65	0	63	2	65	0	63	2	31	34	24	41	0	65	52	13	17	48
66	Trường Mầm non A xã Ngũ Hiệp	44	44	0	15	29	44	0	37	7	19	25	3	41	0	44	19	25	8	36
67	Trường Mầm non B xã Ngũ Hiệp	36	36	0	34	2	36	0	36	0	33	3	3	33	0	36	30	6	16	20
68	Trường Mầm non xã Tân Triều	24	24	0	19	5	24	0	16	8	14	10	7	17	0	24	17	7	6	18
69	Trường Mầm non Yên Xá, xã Tân Triều	40	40	0	21	19	40	0	29	11	13	27	4	36	0	40	19	21	7	33
70	Trường Mầm non Triều Khúc	39	39	0	22	17	39	0	28	11	17	22	5	34	0	39	17	22	7	32
71	Trường Mầm non A xã Ngọc Hồi	31	31	0	27	4	31	0	29	2	22	9	10	21	0	31	22	9	15	16
72	Trường Mầm non B xã Ngọc Hồi	25	25	0	25	0	25	0	23	2	23	2	11	14	0	25	23	2	18	7
73	Trường Mầm non xã Hữu Hoà	46	46	0	46	0	46	0	46	0	31	15	16	30	0	46	43	3	39	7
74	Trường Mầm non A xã Tứ Hiệp	47	47	0	22	25	47	0	28	19	13	34	4	43	0	47	21	26	13	34
75	Trường Mầm non B xã Tứ Hiệp	20	20	0	19	1	20	0	19	1	15	5	8	12	0	20	15	5	11	9
76	Trường Mầm non C xã Tứ Hiệp	39	39	0	36	3	39	0	39	0	31	8	14	25	0	39	30	9	23	16
77	Trường Tiểu học Ngô Thị Nhậm	41	41	0	40	1	41	0	41	0	27	14	20	21	0	41	37	4	33	8
78	Trường Tiểu học Tam Hiệp	36	36	0	29	7	36	0	34	2	24	12	8	28	0	36	29	7	14	22
79	Trường Tiểu học Tứ Hiệp	39	39	0	37	2	39	0	35	4	26	13	10	29	0	39	31	8	10	29
80	Trường Tiểu học Liên Ninh	30	30	0	21	9	30	0	26	4	14	16	4	26	0	30	10	20	12	18
81	Trường Tiểu học Triều Khúc	23	23	0	19	4	23	0	20	3	10	13	5	18	0	23	15	8	10	13
82	Trường Tiểu học Yên Xá	34	34	0	20	14	34	0	20	14	18	16	3	31	0	34	14	20	5	29
83	Trường Tiểu học Tân Triều	21	21	0	6	15	21	0	9	12	6	15	3	18	0	21	5	16	6	15
84	Trường Tiểu học B Thị Trấn Văn Điển	46	46	0	33	13	46	0	35	11	23	23	8	38	0	46	34	12	20	26
85	Trường Tiểu học Vũ Lăng	41	41	0	19	22	41	0	26	15	17	24	3	38	0	41	16	25	6	35
86	Trường Tiểu học Phạm Tu	42	42	0	41	1	42	0	42	0	33	9	6	36	0	42	36	6	25	17

STT	Tên đơn vị	Tổng hồ sơ	Thông tin cơ bản		Tuyển dụng, quá trình công tác		Lương, phụ cấp		Trình độ đào tạo, bồi dưỡng		Khen thưởng, kỷ luật		Đặc điểm lịch sử bản thân		Thông tin khác		Kết quả xếp loại chất lượng		Hoàn cảnh kinh tế gia đình	
			Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu	Đã nhập	Còn thiếu
87	Trường Tiểu học Tạ Hoàng Cơ	23	23	0	22	1	23	0	20	3	14	9	2	21	0	23	13	10	9	14
88	Trường Tiểu học Vạn Phúc	47	47	0	30	17	47	0	36	11	28	19	6	41	0	47	25	22	19	28
89	Trường Tiểu học Đỗ Ngọc Du	37	37	0	35	2	37	0	36	1	21	16	7	30	0	37	36	1	16	21
90	Trường Tiểu học Yên Mỹ	17	17	0	15	2	17	0	16	1	13	4	12	5	0	17	16	1	15	2
91	Trường Tiểu học Vĩnh Quỳnh	72	72	0	31	41	72	0	38	34	15	57	5	67	0	72	29	43	10	62
92	Trường Tiểu học Hữu Hoà	38	38	0	38	0	38	0	38	0	24	14	5	33	0	38	36	2	13	25
93	Trường Tiểu học Ngọc Hồi	41	41	0	23	18	41	0	32	9	10	31	5	36	0	41	16	25	19	22
94	Trường Tiểu học A Thị Trấn Văn Điển	55	55	0	37	18	55	0	42	13	27	28	3	52	0	55	26	29	11	44
95	Trường Tiểu học Thanh Liệt	49	49	0	33	16	49	0	37	12	24	25	8	41	0	49	25	24	12	37
96	Trường Tiểu học Đồng Mỹ	37	37	0	37	0	37	0	37	0	24	13	28	9	0	37	37	0	25	12
97	Trường Tiểu học Đại Áng	40	40	0	18	22	40	0	22	18	11	29	5	35	0	40	13	27	10	30
98	Trường Tiểu học Duyên Hà	15	15	0	15	0	15	0	14	1	9	6	1	14	0	15	12	3	9	6
99	Trường Tiểu học Ngô Sĩ Kiên	44	44	0	14	30	44	0	22	22	14	30	1	43	0	44	15	29	9	35
100	Trường Tiểu học Ngũ Hiệp	46	46	0	6	40	46	0	12	34	3	43	1	45	0	46	1	45	1	45
101	Trường Dạy trẻ khuyết tật	20	20	0	0	20	20	0	0	20	0	20	0	20	0	20	0	20	0	20
102	Trường THCS Duyên Hà	20	20	0	13	7	20	0	13	7	10	10	7	13	0	20	12	8	6	14
103	Trường THCS Vạn Phúc	40	40	0	3	37	40	0	2	38	0	40	1	39	0	40	2	38	1	39
104	Trường THCS Tứ Hiệp	55	55	0	6	49	55	0	6	49	2	53	0	55	0	55	1	54	0	55
105	Trường THCS Liên Ninh	53	53	0	50	3	53	0	49	4	21	32	10	43	0	53	49	4	27	26
106	Trường THCS Tân Triều	52	52	0	24	28	52	0	33	19	7	45	7	45	0	52	10	42	8	44
107	Trường THCS Vĩnh Quỳnh	63	63	0	15	48	63	0	18	45	10	53	2	61	0	63	8	55	7	56
108	Trường THCS Thanh Liệt	67	67	0	15	52	67	0	23	44	7	60	1	66	0	67	6	61	3	64
109	Trường THCS Hữu Hoà	36	36	0	10	26	36	0	10	26	10	26	0	36	0	36	11	25	5	31
Tổng		3554	3553	1	2172	1382	3554	0	2482	1072	1561	1993	558	2996	0	3554	1772	1782	1171	2383